

Số: 73 /2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 19 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 41/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La quy định khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 57/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 14/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 41/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La quy định khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Sửa đổi Điều 3 của Quyết định số 41/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La quy định khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Sơn La như sau:

“Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 41/2025/QĐ-UBND

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Khu vực, địa điểm đổ thải phải phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương; trường hợp thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn thì phải phù hợp với quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu có liên quan; việc công bố, chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 91 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP.”

2. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 5 như sau:

“a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, lập danh mục; tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ và tổ chức niêm yết, đăng tải công khai theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 91 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP.”

3. Sửa đổi khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Căn cứ danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân tỉnh để được xem xét, chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP và điểm b khoản 1 Điều 91 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP. Trường hợp UBND tỉnh chưa công bố danh mục hoặc khu vực, địa điểm đã công bố không bảo đảm yêu tố kinh tế, kỹ thuật thì Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư theo quy định.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.”

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2026.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKT - Thiện 06 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature in blue ink]

Nguyễn Thành Công